

DỰ THẢO

ĐỀ ÁN

**Phát triển Trung tâm Y tế thị xã Bình Long
giai đoạn 2024 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày / /2024
của UBND thị xã Bình Long)

**PHẦN THỨ NHẤT
SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

I. SỰ CẦN THIẾT

Trong những năm qua, Trung tâm Y tế thị xã Bình Long ngoài việc khám và điều trị cho Nhân dân các xã, phường thuộc địa bàn thị xã còn tiếp nhận, khám và điều trị cho Nhân dân các khu vực lân cận. Ngành Y tế thị xã Bình Long luôn lấy mục tiêu phục vụ, chăm sóc sức khỏe Nhân dân làm trọng tâm, phát huy được chức năng nhiệm vụ trong công tác khám chữa bệnh, công tác dự phòng được chuyên sâu, công tác an toàn thực phẩm được đảm bảo nâng cao chất lượng của từng chuyên ngành, từ đó trên địa bàn không xảy ra dịch bệnh lớn, các chương trình mục tiêu y tế quốc gia được triển khai hiệu quả ở cộng đồng, cơ sở vật chất trang thiết bị được tăng cường, chất lượng dân số và dịch vụ y tế từng bước được cải thiện, cán bộ y tế thường xuyên được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về chăm sóc sức khỏe, bảo vệ Nhân dân trên địa bàn thị xã và các huyện lân cận.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng, đạt được nhiều tiến bộ quan trọng, nhưng nhìn chung công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, nâng cao chất lượng dân số vẫn còn nhiều bất cập, chưa đáp ứng kịp nhu cầu ngày càng cao của nhân dân trên địa bàn thị xã Bình Long và các vùng lân cận; cơ sở vật chất trang thiết bị còn yếu và thiếu, xuống cấp nghiêm trọng, đội ngũ cán bộ nhân viên chuyên môn kỹ thuật y dược còn thiếu và chất lượng cán bộ chuyên môn còn có lúc chưa đáp ứng nhu cầu của công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân. Trong khi đó mô hình bệnh tật có nhiều thay đổi, nhiều bệnh lạ mới nổi có nguy cơ bùng phát thành dịch lớn; nhiều loại bệnh khó điều trị đã có xu hướng phát sinh trở lại với quy mô và tính chất nguy hiểm hơn; các bệnh không lây nhiễm có xu hướng ngày càng gia tăng; tuổi thọ của người dân ngày càng cao nhưng đi kèm theo đó là mô hình bệnh tật tuổi già cùng phát triển... đã đặt ra không ít thử thách đối với

Trung tâm Y tế thị xã Bình Long trước nhiệm vụ chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho nhân dân trong thời gian tới.

Xuất phát từ thực tế trên, việc nâng cấp phát triển Trung tâm Y tế thị xã Bình Long từ bệnh viện hạng III lên bệnh viện hạng II là thật sự cần thiết trong giai đoạn hiện nay.

Tại khoản 3 Điều 26 Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015 quy định: Quyết định biện pháp phát triển hệ thống giáo dục mầm non, tiểu học và trung học cơ sở; biện pháp phát triển sự nghiệp văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao; biện pháp bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân, phòng, chống dịch bệnh,...trên địa bàn huyện theo quy định của pháp luật. Vì vậy, HĐND thị xã ban hành Nghị quyết thông qua Đề án phát triển Trung tâm Y tế thị xã Bình Long giai đoạn 2024 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 là cần thiết và thuộc thẩm quyền của HĐND thị xã theo quy định của pháp luật.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII; Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới; Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành trung ương khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới; Chỉ thị số 25-CT/TW ngày 25/10/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục củng cố, hoàn thiện, nâng cao chất lượng hoạt động của y tế cơ sở trong tình hình mới.

2. Luật Khám chữa bệnh số 15/2023/QH15, ngày 01/01/2024; Nghị quyết số 99/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội Giám sát chuyên đề về việc huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch COVID-19; việc thực hiện chính sách, pháp luật về y tế cơ sở, y tế dự phòng.

3. Các Nghị định của Chính phủ: số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập; số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; Quyết định số 648/QĐ-TTg ngày 18/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 23/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

4. Thông tư số 19/2013/TT-BYT ngày 12/7/2013 Hướng dẫn thực hiện quản lý chất lượng dịch vụ khám bệnh chữa bệnh tại bệnh viện; Thông tư số 54/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 Ban hành Bộ tiêu chí ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; Thông tư số 03/2023/TT-BYT ngày 17/02/2023 Hướng dẫn vị trí việc làm, định mức số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp y tế công lập ; Thông

tư số 06/2024/TT-BYT ngày 16/5/2024 của Bộ Y Tế về quy định xếp hạng các đơn vị sự nghiệp Y tế.

5. Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18/5/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Phước về Chương trình chuyển đổi số đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước; Kế hoạch số 312/KH-UBND ngày 13/10/2021 của UBND tỉnh Bình Phước về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18/5/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Phước về chuyển đổi số đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh;

6. Các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh Bình Phước: số 18/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 về việc ban hành quy định chính sách thu hút, đãi ngộ và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực y tế trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020 - 2025 và định hướng đến năm 2030; số 27/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của quy định về chính sách thu hút, đãi ngộ và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực y tế trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020 - 2025 và định hướng đến năm 2030; số 18/NQ-HĐND ngày 09/11/2022 về Quyết định chủ trương đầu tư dự án nâng cấp, mở rộng Trung tâm Y tế thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

7. Các Quyết định của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Bình Phước: số 2075/QĐ-UBND ngày 08/11/2022 về việc ban hành Đề án “Nâng cao năng lực phòng, chống dịch bệnh và khám, chữa bệnh cho Nhân dân trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030”; số 859/QĐ-UBND ngày 23/5/2023 về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Nâng cấp, mở rộng Trung tâm Y tế thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

8. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thị xã Bình Long lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020 - 2025 ban hành ngày 15/7/2020; Chương trình hành động số 01 - CTHĐ/TU ngày 20/7/2020 của Thị ủy Bình Long về việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thị xã Bình Long lần thứ XII nhiệm kỳ 2020 - 2025.

9. Quyết định số 1410/QĐ-UBND ngày 30/5/2018 của UBND thị xã Bình Long về việc thành lập Trung tâm Y tế thị xã Bình Long.

10. Kế hoạch số 378-KH/BCĐ ngày 26/12/2023 của BCĐ triển khai sắp xếp đơn vị hành chính cấp, huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

11. Căn cứ Kết luận số 294-KL/TU ngày 12/7/2024 của Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã (phiên họp chuyên đề ngày 12/7/2024);

12. Thông báo kết luận số 587-TB/TU ngày 26/4/2024 của Thị ủy Bình Long về thông báo kết luận của Ban thường vụ Thị ủy (Phiên thứ 12/2024);

13. Công văn số 944/SNV-CCVC&TCBM ngày 24/5/2024 của Sở Nội Vụ Bình Phước về việc chủ trương sáp nhập Trung tâm Y tế huyện Hớn Quản vào Trung tâm Y tế thị xã Bình Long;

14. Kế hoạch số 133/KH-UBND ngày 16/5/2024 của UBND thị xã về việc triển khai Công tác chuyển đổi số và thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia năm 2024.

PHẦN THỨ HAI
THỰC TRẠNG TRUNG TÂM Y TẾ
THỊ XÃ BÌNH LONG – HUYỆN HỐN QUẢN

I. THỰC TRẠNG TRUNG TÂM Y TẾ THỊ XÃ BÌNH LONG

1. Các thông tin chung

Tên cơ sở: **TRUNG TÂM Y TẾ THỊ XÃ BÌNH LONG**

- Địa chỉ: Số 82 – Đường Phan Bội Châu – phường. An Lộc – thị xã Bình Long

- Diện tích: 20.802 m²

- Điện thoại: (0271)3666354 Fax : (0271)3683994

- Email: benhvienbinhlong@gmail.com

- Cơ quan chủ quản: UBND thị xã Bình Long

- Giấy phép hoạt động: Số 253/BP-GPHĐ

2. Vị trí, chức năng và nhiệm vụ

Trung tâm Y tế thị xã Bình Long được thành lập theo Quyết định số 1410/QĐ-UBND với chức năng, nhiệm vụ khám chữa bệnh, Y tế dự phòng, Dân số KHHGD và là cơ sở thực hành, đào tạo, chỉ đạo tuyến, hỗ trợ chuyên môn cho y tế tuyến cơ sở.

3. Cơ cấu tổ chức và quy mô hoạt động

- Ban giám đốc: Giám đốc và 03 Phó Giám đốc.

- Các phòng: gồm 05 phòng

+ Phòng Kế hoạch Nghiệp vụ;

+ Phòng Tài chính Kế toán;

+ Phòng Tổ chức Hành chính;

+ Phòng Điều dưỡng - Kiểm soát nhiễm khuẩn;

+ Phòng Dân số - Kế hoạch hóa gia đình.

- Các Khoa : gồm 10 Khoa

+ Khoa Kiểm soát bệnh tật – An toàn vệ sinh thực phẩm;

+ Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản;

+ Khoa Khám bệnh;

+ Khoa Hồi sức cấp cứu;

+ Khoa Nội tổng hợp;

- + Khoa Nhi;
- + Khoa Ngoại tổng hợp;
- + Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng;
- + Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế;
- + Khoa Xét nghiệm và Chẩn đoán hình ảnh.

- Các Trạm y tế: gồm 06 Trạm Y tế xã/phường: An Lộc, Hưng Chiến, Phú Đức, Phú Thịnh, Thanh Lương, Thanh Phú.

Hiện nay, Trung tâm Y tế thị xã Bình Long là bệnh viện hạng III, giường kê hoạch: 350 giường theo Quyết định số 127/QĐ-SYT, giường thực kê: 350 giường.

4. Cơ cấu nguồn nhân lực

4.1. Cơ cấu nguồn nhân lực

Tính đến tháng 01/2024 tổng số nhân viên hệ điều trị của Trung tâm Y tế thị xã Bình Long sau khi Trung tâm Y tế huyện Hớn Quản sáp nhập về là 306 nhân viên (BS: 88, YS: 13, DS: 28) trong đó:

- Biên chế: 250;

- Hợp đồng : 56, trong đó: hợp đồng trong biên chế: 05, hợp đồng ngoài biên chế: 31, hợp đồng theo ND 111: 20. Cụ thể như sau:

Bảng 1. Thực trạng biên chế Trung tâm Y tế thị xã Bình Long sau sáp nhập

| Phân loại | Tổng số nhân lực sau khi sáp nhập | Biên chế | Hợp đồng trong Biên chế | HĐ ngoài Biên chế | HĐ 111 |
|-----------------------------|-----------------------------------|----------|-------------------------|-------------------|--------|
| 1. Bác sỹ | 88 | 78 | 5 | 5 | 0 |
| - BS Chuyên khoa II | 3 | 3 | 0 | 0 | 0 |
| - BS Chuyên khoa I | 19 | 18 | 1 | 0 | 0 |
| - Bác sỹ Y khoa | 66 | 57 | 4 | 5 | 0 |
| 2. Y sỹ | 13 | 11 | 0 | 2 | 0 |
| 3. Dược sỹ | 28 | 26 | 0 | 2 | 0 |
| - DS Chuyên khoa I | 1 | 1 | 0 | 0 | 0 |
| - Dược sỹ Đại học | 23 | 21 | 0 | 2 | 0 |
| - Dược Cao đẳng | 4 | 4 | 0 | 0 | 0 |
| 4. Dược sỹ Trung học | 1 | 1 | 0 | 0 | 0 |
| 5. Điều dưỡng | 53 | 45 | 0 | 8 | 0 |
| - Tiên sỹ / Thạc sỹ ĐD | 1 | 1 | 0 | 0 | 0 |
| - Cử nhân Điều dưỡng | 41 | 38 | 0 | 3 | 0 |

| Phân loại | Tổng số nhân lực sau khi sáp nhập | Biên chế | Hợp đồng trong Biên chế | HĐ ngoài Biên chế | HĐ 111 |
|--------------------------------|-----------------------------------|------------|-------------------------|-------------------|-----------|
| - Cao đẳng điều dưỡng | 11 | 6 | 0 | 5 | 0 |
| 6. Điều dưỡng Trung học | 30 | 25 | 0 | 5 | 0 |
| 7. Tổng số Hộ sinh | 18 | 18 | 0 | 0 | 0 |
| - Thạc sĩ/CKI Hộ sinh | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| - Cử nhân Hộ sinh | 7 | 7 | 0 | 0 | 0 |
| - Hộ sinh cao đẳng | 11 | 11 | 0 | 0 | 0 |
| 8. Hộ sinh Trung học | 12 | 12 | 0 | 0 | 0 |
| 9. Kỹ thuật viên Y | 15 | 13 | 0 | 2 | 0 |
| - CKI Chức năng | 1 | 1 | 0 | 0 | 0 |
| - Thạc sĩ khoa học y sinh | 1 | 1 | 0 | 0 | 0 |
| - KTV Đại học | 3 | 2 | 0 | 1 | 0 |
| - KTV Cao đẳng | 10 | 9 | 0 | 1 | 0 |
| 10. KTV Trung học | 1 | 1 | 0 | 0 | 0 |
| 11. Hộ lý | 4 | 0 | 0 | 0 | 4 |
| 12. Cán bộ khác | 43 | 20 | 0 | 7 | 16 |
| - Thạc sĩ | 2 | 2 | 0 | 0 | 0 |
| - Đại học | 22 | 17 | 0 | 5 | 0 |
| - Cao đẳng | 4 | 1 | 0 | 2 | 1 |
| - Trung học | 2 | 0 | 0 | 0 | 2 |
| - Khác | 13 | 0 | 0 | 0 | 13 |
| TỔNG CỘNG | 306 | 250 | 5 | 31 | 20 |

Hiện chỉ đáp ứng tiêu chuẩn bệnh viện hạng 3. Trong những năm 2019 - 2020, có một số khoa lâm sàng phải trực tua 02 - 03 do thiếu bác sĩ, nên gặp nhiều khó khăn trong việc đào tạo định hướng, chuyên sâu cho bác sĩ, dẫn đến trình độ bác sĩ không đồng đều và chất lượng chuyên môn chưa cao.

Đặc biệt số lượng nhân lực điều dưỡng chưa đủ đáp ứng với nhu cầu khi nâng cấp Trung tâm Y tế lên bệnh viện hạng 2. (Phụ lục 1)

4.2. Kết quả đào tạo nguồn nhân lực

Bảng 2. Kết quả đào tạo nguồn nhân lực giai đoạn 2021 – 2023

| Stt | Chỉ tiêu | Năm 2021 | Năm 2022 | Năm 2023 |
|-----|----------|----------|----------|----------|
|-----|----------|----------|----------|----------|

| | | | | |
|----|---|----|----|----|
| 1. | Sau Đại học | | 8 | 16 |
| - | BS CKI | | 5 | 16 |
| - | Dược sĩ CKI | | 3 | |
| 2. | Đại học | | | 18 |
| - | Bác sĩ | | | 01 |
| - | Cử nhân điều dưỡng | | | 04 |
| - | Cử nhân Y tế công cộng | | | 03 |
| - | Cử nhân điều dưỡng chuyên ngành phụ sản | | | 09 |
| - | Kế toán | | | 01 |
| 3. | Cao đẳng | | | 02 |
| - | Cao đẳng Hộ sinh | | | 02 |
| 4. | Chuyên khoa lẻ và định hướng | 11 | 17 | 09 |

5. Khả năng chuyên môn kỹ thuật và mô hình bệnh tật

5.1. Khả năng chuyên môn kỹ thuật

Trung tâm Y tế thị xã Bình Long được Sở Y tế phê duyệt thực hiện 83% kỹ thuật đúng tuyến và 17% kỹ thuật vượt tuyến.

Hiện nay, bình quân hằng ngày Trung tâm Y tế khám khoảng 600 lượt bệnh nhân, trong đó có khoảng 35 lượt khám cấp cứu; 50 lượt bệnh nhân nhập viện, 12 lượt sinh (02 ca mổ lấy thai), 02 ca phẫu thuật từ loại 2 trở lên (có khoảng 01 ca mổ cấp cứu); 38 lượt chụp X-quang, 13 ca chụp CT-Scan, 05 lượt nội soi dạ dày, 61 lượt siêu âm, 120 tiêu bản xét nghiệm.

Mặc dù vậy, công tác khám chữa bệnh còn gặp nhiều khó khăn do trình độ chuyên môn của cán bộ y tế còn hạn chế, không đáp ứng nhu cầu hiện tại của Nhân dân. Người bệnh chuyển viện lên tuyến trên còn nhiều.

5.2. Mô hình bệnh tật

Mô hình bệnh tật tại thị xã Bình Long khá phức tạp, đan xen lẫn nhau. Tỷ lệ bệnh tăng huyết áp, đột quỵ não vẫn chiếm tỷ lệ cao, đứng hàng đầu trong mô hình bệnh tật của Trung tâm Y tế. Bên cạnh đó, các bệnh nhiễm trùng và không lây nhiễm vẫn tiếp tục gia tăng, đòi hỏi cần phải tăng cường nhân lực, nâng cấp cơ sở hạ tầng, mở rộng, thành lập mới các khoa phòng điều trị cũng như trang thiết bị phục vụ cho công tác chẩn đoán, theo dõi, tiên lượng và điều trị bệnh.

Bảng 3. Đặc điểm mô hình bệnh tật tại thị xã Bình Long

| Nội dung | 2021 | 2022 | 2023 |
|----------------|--------|--------|--------|
| Bệnh lây nhiễm | 86.273 | 85.870 | 56.281 |

| | | | |
|------------------------|---------|---------|--------|
| Bệnh không lây nhiễm | 112.085 | 101.988 | 95.483 |
| Chấn thương và Tai nạn | 509 | 519 | 473 |

Bảng 4. Nhóm bệnh mắc cao nhất năm 2023 tại Trung tâm Y tế

| Stt | Bệnh chính | Tổng số |
|-----|--|---------|
| 1 | Tăng huyết áp (I10) | 19591 |
| 2 | Bệnh khác của cột sống (M40-M49) | 6805 |
| 3 | Viêm họng và viêm Amidan cấp (J02, J03) | 5911 |
| 4 | Đái tháo đường (E10-E14) | 4883 |
| 5 | Bệnh khác của tai và xương chũm (H60-H62) | 4388 |
| 6 | Viêm phế quản và tiểu phế quản (J20-J21) | 4127 |
| 7 | Viêm cấp đường hô hấp trên khác (J00-J01, J05-J06) | 3461 |
| 8 | Bệnh khác của gan (K71-K77) | 3372 |
| 9 | Bệnh thoái hoá khớp (M15-M19) | 2867 |
| 10 | Bệnh nội tiết, dinh dưỡng (E15,E35) | 2340 |

6. Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị

Tổng diện tích đất Trung tâm Y tế thị xã Bình Long được giao quản lý và sử dụng hiện nay là 20.802m²; trong đó riêng diện tích xây dựng các hạng mục công trình là 13.148 m² được chia làm các khối nhà nghiệp vụ khác nhau với tổng diện tích sàn xây dựng là 39.000m². Cụ thể gồm các khối như sau:

Khoa khám bệnh: Được đưa vào sử dụng từ tháng 07/2012 với diện tích 2.975m² gồm 01 dãy khép kín 01 trệt, 01 lầu và tầng hầm để xe.

Khu hệ dự phòng: Được đưa vào sử dụng từ tháng 10/2011 gồm 01 trệt, 01 lầu và khu nhà cấp 04.

Khu điều trị nội trú: Với diện tích 13.630m² gồm 05 dãy liên hoàn.

Hiện tại khu điều trị nội trú Trung tâm Y tế thị xã Bình Long được xây dựng vào năm 2008 đến nay đã trải qua 15 năm, tình trạng xuống cấp đã xuất hiện và cũng đã được sửa chữa vào năm 2014. Tuy nhiên do cơ sở được xây dựng từ lâu nên sau khi sửa chữa thì một thời gian hạ tầng lại tiếp tục xuống cấp và hư hỏng. Đa số các khoa, phòng đều đã xuống cấp cần phải nâng cấp và sửa chữa.

Về trang thiết bị: Trang thiết bị hiện có bao gồm: Máy X - quang kỹ thuật số, máy X Quang di động, Máy Siêu âm 3D - 4D, Hệ thống Nội soi dạ dày - tá tràng, đại tràng, Bồn Oxy lỏng, Hệ thống Oxy, khí, hút trung tâm, Máy huyết học tự động, 09 Máy thận nhân tạo, Máy CT – Scan, Máy phẫu thuật nội soi ổ bụng.

Nhiều trang thiết bị y tế đã cũ, hiện trang thiết bị chỉ đáp ứng tiêu chuẩn cho bệnh viện hạng 3.

Về hạ tầng công nghệ thông tin

Hiện tại Trung tâm Y tế có 1 máy chủ vật lý; các máy trạm; máy tính xách tay; máy in; hệ thống mạng không dây tại tất cả các khoa, phòng.

Gần 50% số máy tính sử dụng đã có tuổi thọ từ 3-5 năm. Cấu hình thấp không thể thực hiện cùng lúc nhiều tác vụ, tốc độ xử lý chậm, ảnh hưởng đến thời gian khám chữa bệnh của nhân viên.

Chưa được Trang bị hệ thống Phòng máy chủ đạt chuẩn An toàn thông tin, tường lửa (Firewall); các thiết bị đảm bảo phòng cháy, chữa cháy...theo tiêu chuẩn được quy định tại Thông tư 54/2017/TT-BYT.

Hệ thống âm thanh xếp hàng đợi chưa được trang bị theo chuẩn định mức quy định.

Hệ thống máy chủ Vật lý, máy chủ Ảo hóa và máy chủ SAN hoặc NAT hiện tại chưa được trang bị để đảm bảo việc vận hành hệ thống các Phần mềm, đảm bảo tính lưu trữ và Backup dữ liệu an toàn.

Chưa triển khai được hệ thống lưu trữ truyền tải hình ảnh PACS và hệ thống bệnh án điện tử

7. Đánh giá, xếp hạng đơn vị theo Thông tư số 23/2005/TT- BYT

Theo Thông tư số 23/2005/TT-BYT ngày 25/8/2005 của Bộ Y tế về Hướng dẫn xếp hạng các đơn vị sự nghiệp y tế, điểm xếp hạng Trung tâm Y tế thị xã Bình Long **năm 2023 là 72 điểm**, trong đó:

- Nhóm tiêu chuẩn I: Vị trí, chức năng và nhiệm vụ: Đạt 4.5/10 điểm.
- Nhóm tiêu chuẩn II: Quy mô và nội dung hoạt động: Đạt 9/20 điểm.
- Nhóm tiêu chuẩn III: Cơ cấu lao động, trình độ cán bộ: Đạt 26.5/30 điểm.
- Nhóm tiêu chuẩn IV: Khả năng chuyên môn, kỹ thuật: Đạt 17/20 điểm.
- Nhóm tiêu chuẩn V: Cơ sở hạ tầng, TTB: Đạt 20/20 điểm.

II. THỰC TRẠNG TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN HÓN QUẢN

1. Cơ cấu tổ chức và quy mô hoạt động

Gồm có 05 phòng chức năng: Phòng Kế hoạch Nghiệp vụ; Phòng Tài chính Kế toán; Phòng Tổ chức Hành chính; Phòng Điều dưỡng; Phòng Dân số - Kế hoạch hóa gia đình và 09 khoa chuyên môn: Khoa Kiểm soát bệnh tật; Khoa An toàn vệ sinh thực phẩm; Khoa Ngoại - Chăm sóc sức khỏe sinh sản; Khoa Khám bệnh; Khoa Hồi sức cấp cứu - Chống độc; Khoa Nội tổng hợp; Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng; Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế; Khoa Xét nghiệm và Chẩn đoán hình ảnh.

Ngoài ra còn có 13 Trạm Y tế xã: Tân Khai, Tân Quan, Phước An, An Khương, Tân Hưng, Thanh An, Tân Lợi, An Phú, Minh Tâm, Minh Đức, Thanh Bình, Đồng Nơ, Tân Hiệp.

Trung tâm Y tế huyện Hớn Quản là bệnh viện hạng III, giường kế hoạch: 70 giường, giường thực kê: 70 giường.

2. Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị

2.1. Cơ sở hạ tầng

Tổng diện tích đất Trung tâm Y tế huyện Hớn Quản được giao quản lý và sử dụng hiện nay là 44.000 m². Trong đó riêng diện tích xây dựng các hạng mục công trình là 24.000 m² được chia làm các khối nhà nghiệp vụ khác nhau với tổng diện tích sàn xây dựng là 8730.1 m² được UBND huyện bàn giao và đi vào sử dụng từ tháng 07/2017. Trong đó gồm có khối khám đa khoa và hành chính; Khối Khoa dinh dưỡng; khối Khoa nhiễm khuẩn.

2.2. Về trang thiết bị: Gồm một số trang thiết bị cần thiết theo tiêu chuẩn bệnh viện hạng III, Hệ thống oxy trung tâm.

2.3. Về hạ tầng công nghệ thông tin

Trung tâm Y tế huyện Hớn Quản có 1 máy chủ vật lý, các máy trạm, máy tính xách tay; máy in; hệ thống mạng không dây tại tất cả các khoa, phòng.

Trung tâm Y tế huyện Hớn Quản đang sử dụng hệ thống Quản lý khám chữa bệnh VNPT-HIS của VNPT Bình Phước với đầy đủ các phân hệ.

Gần 90% số máy tính sử dụng đã có tuổi thọ trên 5 năm. Cấu hình thấp không thể thực hiện cùng lúc nhiều tác vụ, tốc độ xử lý chậm, ảnh hưởng đến thời gian khám chữa bệnh của nhân viên.

3. Nguồn nhân lực (phụ lục 1).

III. THỰC TRẠNG CÁC CƠ SỞ Y TẾ TƯ NHÂN TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ BÌNH LONG - HUYỆN HỚN QUẢN

Tổng số cơ sở y tế tư nhân trên địa bàn thị xã Bình Long : 102 cơ sở, Trong đó Dược: 54 cơ sở, Y : 48 cơ sở, phòng khám đa khoa: 02, phòng khám ngoài giờ: 46

Tổng số cơ sở y tế tư nhân trên địa bàn huyện Hớn Quản: 119, trong đó: quầy thuốc 97, Phòng mạch 12, Phòng khám đa khoa 01, Phòng nha: 05, dịch vụ y tế 02

PHẦN THỨ BA NÂNG CAO NĂNG LỰC CỦA TRUNG TÂM Y TẾ THỊ XÃ BÌNH LONG ĐẾN NĂM 2025, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Quan điểm

Phát triển đồng bộ, toàn diện Trung tâm Y tế thị xã Bình Long theo hướng hiện đại và bền vững đảm bảo tính hệ thống theo định hướng; phù hợp với điều

kiện phát triển kinh tế - xã hội của thị xã, nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của Nhân dân hướng tới mục tiêu công bằng, hiệu quả và phát triển; kết hợp các dịch vụ cơ bản với các dịch vụ chuyên sâu, tiếp cận với các dịch vụ y tế chất lượng ngày càng cao; gắn liền với đảm bảo an sinh xã hội và không ngừng cải thiện và nâng cao chất lượng đời sống đội ngũ y, bác sĩ, điều dưỡng, viên chức, người lao động. Việc sắp xếp tổ chức, sáp nhập nhân lực Y tế giữa hai đơn vị Trung tâm Y tế huyện Hón Quán và Trung Tâm Y tế thị xã Bình Long được thực hiện đồng thời trong Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Phát triển Trung tâm Y tế thị xã lên bệnh viện hạng II quy mô 400 giường, với hệ thống trang thiết bị hiện đại, thân thiện với các chuyên khoa mũi nhọn; đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng và đa dạng của Nhân dân thị xã và khu vực, đảm bảo mục tiêu công bằng, hiệu quả và phát triển của ngành Y tế Việt Nam theo khả năng của bệnh viện; đội ngũ cán bộ y tế có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, trình độ chuyên môn cao, đảm bảo chất lượng khám, chữa bệnh, đáp ứng yêu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho Nhân dân. Đầu tư nâng cấp hạ tầng, ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng mức 6 về nhóm tiêu chí hạ tầng công nghệ thông tin theo quy định; hướng tới từng bước xây dựng bệnh án điện tử từ năm 2025 và đạt bệnh viện thông minh vào năm 2030.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Năm 2024

Triển khai phần mềm quản lý lưu trữ truyền tải hình ảnh (PACS) tại Trung tâm Y tế thị xã Bình Long đáp ứng mức nâng cao theo quy định tại “Thông tư số 54/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ Y tế về ban hành bộ tiêu chí ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh”.

Thực hiện thanh toán chi phí khám chữa bệnh không dùng tiền mặt tại các khoa/phòng; Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc đăng kí khám bệnh và tái khám cho bệnh nhân; Thành lập tổ hướng dẫn cho bệnh nhân khi đến khám; Khám bệnh bảo hiểm y tế cho bệnh nhân vào thứ bảy và chủ nhật.

2.2.2. Năm 2025

Đạt tiêu chuẩn xếp hạng Bệnh viện Đa khoa hạng II (quy mô 400 giường bệnh) theo quy định tại Thông tư số 06/2024/TT-BYT ngày 16/5/2024 của Bộ Y Tế về quy định xếp hạng các đơn vị sự nghiệp Y tế

Đạt tiêu chí nguồn nhân lực cho bệnh viện hạng II, đủ năng lực tiếp nhận chuyển giao kỹ thuật của tuyến trên, đồng thời hỗ trợ chuyển giao kỹ thuật cho tuyến dưới. Thực hiện danh mục kỹ thuật chuyên môn đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn đối với bệnh viện hạng II theo quy định của Bộ Y tế. Giảm tỷ lệ chuyển

viện lên tuyến trên, giúp bệnh nhân được điều trị tại chỗ có chất lượng, góp phần giảm tải cho các bệnh viện tuyến trên.

Đảm bảo ít nhất có 80% các Trưởng, Phó khoa/phòng có trình độ sau đại học; 100% Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng có trình độ trung cấp lý luận chính trị trở lên.

Đảm bảo có từ 25% số người bệnh nội trú trở lên được chăm sóc cấp I. Liên kết với các trường Đại học, trung cấp y dược, để làm cơ sở thực hành cho đào tạo trung cấp, đại học và sau đại học.

2.2.3. Giai đoạn 2026 - 2030

Đầu tư nâng cấp hạ tầng, phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin áp dụng triển khai hệ thống Bệnh án điện tử hướng tới bệnh viện thông minh vào năm 2030. Đẩy mạnh xã hội hoá đầu tư khu khám và điều trị theo yêu cầu tại khu đất công dành cho “Y tế” (Trường THCS An Lộc) để nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho nhân dân.

II. NÂNG CAO NĂNG LỰC CỦA TRUNG TÂM Y TẾ THỊ XÃ BÌNH LONG ĐẾN NĂM 2025, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

1. Cơ cấu tổ chức

Trung tâm Y tế đạt tiêu chí của bệnh viện hạng II, có 06 phòng chức năng và 19 khoa.

2. Nhu cầu về nguồn nhân lực

- Tổng số nhân viên của Trung tâm Y tế hiện có 306.
- Tổng số nhân viên cần bổ sung (tuyển dụng) theo định mức Bệnh viện hạng II: 108. Trong đó:

- + Bác sỹ: 12 (02 BSCK2, 05 BSCK1, 05 BSĐK);
- + Điều dưỡng: 84 (Tiền sỹ/Thạc sỹ điều dưỡng: 07; Cử nhân điều dưỡng (Đại học và cao đẳng): 77
- + Hộ sinh: 12 (Thạc sỹ/CK1 hộ sinh: 05; cử nhân hộ sinh: 07).

(Chi tiết tại phụ lục 01)

- Các bác sỹ điều trị ở các khoa lâm sàng: trên 80% các Trưởng/Phó các Phòng, Ban, Khoa có trình độ sau đại học, còn lại là đại học.

Để đáp ứng tiêu chuẩn bác sỹ hạng II bệnh viện phải có 18 khoa lâm sàng; đồng thời với chỉ tiêu trên 80% các Trưởng/Phó các Phòng, Ban, Khoa có trình độ sau đại học, do vậy để đáp ứng tiêu chuẩn trên số bác sỹ sau đại học cần có tối thiểu là: 18 Khoa x 3 người/khoa x 80% = 43 người.

Ban Giám đốc: 05 người

+ Tổng nhu cầu bác sỹ sau đại học cần có tối thiểu là: 53 người

* Nhân lực bác sỹ sau đại học hiện có: 22 (kể cả Ban Giám đốc)

* Nhân lực bác sỹ sau đại học tuyển bổ sung để đáp ứng tiêu chuẩn bệnh viện hạng II: 07

Do đó nhu cầu đào tạo trong thời gian tới là 32 bác sỹ sau đại học (kể cả Ban Giám đốc) Nhu cầu đào tạo, cụ thể như sau:

* Bác sỹ CKII: 03

* Bác sỹ CKI: 29

Trong đó giai đoạn 2024 – 2025 cần đào tạo: 32

+ Tổng số nhân lực đang đào tạo: 18, cụ thể như sau :

- Năm 2024:

+ Bác sỹ CKI: 01 (Dự kiến tốt nghiệp năm 2024)

- Năm 2025:

+ Bác sỹ CKII: 01 (Dự kiến tốt nghiệp năm 2025)

+ Bác sỹ CKI: 15 (Dự kiến tốt nghiệp năm 2025)

- Năm 2026:

+ Bác sỹ: 01 (Dự kiến tốt nghiệp năm 2026)

- 100% bác sỹ có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

- Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật viên trưởng các khoa lâm sàng: 100% có trình độ từ cao đẳng trở lên, 100% Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật viên trưởng có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

Để đáp ứng được các yêu cầu trên, ưu tiên đào tạo cơ bản cho các cán bộ có trình độ, thời gian công tác còn dài theo 2 hướng: Tại các trường Đại học y khoa và tại các bệnh viện tuyển trên.

Ưu tiên đào tạo cho các chuyên ngành: Tiết niệu, Tiêu hoá, Chấn thương chỉnh hình, Thăm dò chức năng, Chẩn đoán hình ảnh, Sọ não, Hồi sức cấp cứu, Nội tiết, Thần kinh, ICU.

Bên cạnh đó, định hướng cử cán bộ đi đào tạo chuyên ngành mới, kỹ thuật mới, chuyên sâu làm nòng cốt phát triển Bệnh viện lâu dài.

Kết hợp mời chuyên gia đầu ngành về đào tạo, chuyển giao kỹ thuật ngay tại Bệnh viện để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ nhân viên. (Chi tiết tại phụ lục 02)

3. Đầu tư cơ sở hạ tầng và trang thiết bị

Sắp xếp, bố trí khoa, phòng khoa học và hợp lý để phát huy tối đa, hiệu quả cơ sở hạ tầng hiện có. Dự trù mua sắm trang thiết bị y tế đảm bảo đáp ứng nhu

cầu khi nâng cấp lên bệnh viện hạng 2 (*Chi tiết tại phụ lục 03*)

Phối hợp các đơn vị cung cấp cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin triển khai Hệ thống quản lý lưu trữ và truyền tải hình ảnh PACS để thay thế hoàn toàn hình ảnh in phim, tiết kiệm ngân sách và chi phí cho bệnh nhân. Đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin, phát triển, ứng dụng hệ thống phần mềm quản lý bệnh viện thông minh, hệ thống bệnh án điện tử trong công tác quản lý, điều hành bệnh viện (*Chi tiết tại phụ lục 04, Phụ lục 04.1, Phụ lục 04.2*)

4. Năng lực tự chủ về tài chính

Đến năm 2025 Trung tâm Y tế sẽ tự chủ 70% kinh phí hoạt động (khối điều trị) theo Quyết định số 925/QĐ-UBND ngày 09/5/2022 của UBND thị xã Bình Long. Từ năm 2026 trở đi Trung tâm Y tế thị xã sẽ tự chủ 100%

5. Cơ chế, chính sách

Thực hiện việc xã hội hóa để huy động các nguồn lực nhằm nâng cao năng lực khám chữa bệnh.

PHÂN THỬ TU NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

I. NHIỆM VỤ

1. Nhiệm vụ trọng tâm

Phấn đấu hoàn thiện Trung tâm Y tế theo chuẩn bệnh viện hạng II và đạt loại “Tốt” theo tiêu chí chất lượng bệnh viện. Nâng điểm xếp hạng bệnh viện đạt từ 70 đến 90 điểm theo tiêu chuẩn của bệnh viện hạng II, quy mô 400 giường bệnh.

Đảm bảo ít nhất có 80% các Trưởng, Phó khoa/phòng có trình độ sau đại học; 100% Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng có trình độ trung cấp lý luận chính trị trở lên.

Đảm bảo có từ 25% số người bệnh nội trú trở lên được chăm sóc cấp I. Liên kết với các trường Đại học, trung cấp y dược, để làm cơ sở thực hành cho đào tạo trung cấp, đại học và sau đại học.

Đầu tư phát triển nguồn nhân lực: đảm bảo đến năm 2025 đạt được tiêu chí về số lượng, chất lượng nguồn nhân lực của bệnh viện hạng II.

Tiếp tục triển khai các kỹ thuật cao phù hợp theo thời gian và điều kiện phát triển của bệnh viện, thực hiện tốt Đề án 1816 với các bệnh viện tuyến trên. Triển khai các kỹ thuật mới các lĩnh vực, triển khai khám và điều trị dịch vụ.

Củng cố và hoàn thiện công tác kiểm soát nhiễm khuẩn. Đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin, phát triển, ứng dụng hệ thống phần mềm quản lý bệnh viện thông minh, hệ thống bệnh án điện tử trong công tác quản lý, điều hành bệnh viện.

2. Nhiệm vụ cụ thể

2.1. Tiêu chuẩn

Đến năm 2025 đạt Bệnh viện đa khoa hạng II, với số giường bệnh: 400 giường. Khi đó Trung tâm Y tế huyện Hớn Quản sẽ trở thành Trung tâm Y tế thị

xã Bình Long với chức năng Y tế dự phòng và Dân số

2.2. Thành lập các khoa

Thành lập Khoa phẫu thuật gây mê hồi sức, liên chuyên khoa (Mắt, Răng – Hàm – Mặt, Tai – Mũi – Họng, Da Liễu...), khoa Truyền nhiễm, khoa Chống nhiễm khuẩn, khoa Chẩn đoán hình ảnh, Khoa Dinh Dưỡng, Khoa Nội tim mạch - Lão Khoa, Khoa ICU; Khoa Thận Nhân Tạo

2.3. Thành lập các phòng chức năng

Phòng hành chính quản trị, Phòng vật tư thiết bị y tế.

2.4. Cụ thể các khoa, phòng sau khi lên bệnh viện hạng II có 25 khoa/phòng, trong đó có 06 Phòng chức năng và 19 khoa

Các phòng chức năng: Phòng Kế hoạch Nghiệp vụ; Phòng Tài chính Kế toán; Phòng Tổ chức Hành chính; Phòng Hành chính quản trị; Phòng Vật tư thiết bị y tế; Phòng Điều dưỡng

Các Khoa: Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản; Khoa Khám bệnh; Khoa Hồi sức cấp cứu; Khoa Nội tổng hợp; Khoa Nhi; Khoa Ngoại tổng hợp; Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng; Khoa Dược; Khoa Xét nghiệm; Khoa phẫu thuật gây mê hồi sức; Khoa chấn thương chỉnh hình; Khoa truyền nhiễm; Liên chuyên khoa (Mắt; Răng – hàm – mặt; Tai – mũi – họng, da liễu); Khoa Chẩn đoán hình ảnh; Khoa Chống nhiễm khuẩn; Khoa Dinh dưỡng; Khoa Nội tim mạch – Lão Khoa; Khoa ICU; Khoa Thận Nhân Tạo.

2.5. Đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin

Đầu tư, nâng cấp, bổ sung trang thiết bị công nghệ thông tin của Trung tâm Y tế: cải tạo hệ thống phòng máy chủ, mạng nội bộ; bổ sung máy chủ, hệ thống lưu trữ, cân bằng tải, thiết bị bảo mật, thiết bị mạng, máy trạm, thiết bị ngoại vi, nâng cấp phần mềm quản lý bệnh viện hướng tới bệnh viện thông minh

II. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Về nhân lực

Nâng cao ý thức cho cán bộ y tế hướng tới sự hài lòng của người bệnh. Chú trọng bồi dưỡng rèn luyện cán bộ theo tinh thần 7 dám: dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới sáng tạo, dám đương đầu với khó khăn thử thách, dám hành động vì lợi ích chung.

Phát triển nguồn nhân lực y tế trình độ cao, cán bộ y tế có chuyên môn trên đại học và quản lý nhà nước và quản lý bệnh viện.

Căn cứ các chính sách của tỉnh để tuyển chọn, đào tạo, sử dụng và đãi ngộ cán bộ có trình độ cao. Đặc biệt quan tâm tạo điều kiện về môi trường làm việc để thu hút nhân tài, giữ chân người giỏi, để họ gắn bó lâu dài và tích cực cống hiến có hiệu quả cho Trung tâm Y tế.

Ban hành các cơ chế ưu đãi đối với cán bộ, nhân viên y tế có trình độ cao hoặc công tác ở những chuyên khoa tối cần thiết của Trung tâm Y tế. (Nguồn tự chủ của đơn vị)

Tận dụng các nguồn thu hợp lý, tiết kiệm tối đa về điện, nước, vật tư tiêu hao, mở dịch vụ y tế được cho phép, làm tăng thu nhập hợp lý cho đội ngũ cán bộ chuyên cao và sâu nhằm giữ được và phát triển những cán bộ chủ chốt, thu hút nguồn nhân lực có chuyên môn cao về phục vụ tại bệnh viện.

Tiêu chuẩn hoá và cân đối nhu cầu nhân lực y tế về số lượng, cơ cấu, chất lượng theo từng chuyên khoa và kiện toàn đội ngũ cán bộ y tế, đội ngũ cán bộ quản lý, đảm bảo tiêu chuẩn hoá cán bộ trong từng lĩnh vực quản lý.

Đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn, kiện toàn đội ngũ cán bộ y tế nhằm không ngừng nâng cao chất lượng và hiệu quả các hoạt động chăm sóc sức khỏe. Gửi đi đào tạo ngắn hạn về công tác quản lý cho cán bộ y tế, đặc biệt là quản lý bệnh viện và gửi đi đào tạo ngắn hạn các lớp thực hành về lâm sàng để phục vụ ngay tại chỗ.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, hoàn thiện quy trình khám bệnh, điều trị nội trú, các quy trình kỹ thuật, chăm sóc phù hợp với điều kiện bệnh viện, tình hình phát triển kinh tế - xã hội của khu vực và sự tiến bộ của y học.

Nâng cao kiến thức quản lý nhà nước và ý thức chấp hành pháp luật cho nhân viên Trung tâm Y tế. Thực hiện tốt Quy chế dân chủ trong Trung tâm Y tế đến tận khoa, phòng, xây dựng và đẩy mạnh phong trào thi đua, đặc biệt là việc xây dựng các đơn vị và cá nhân điển hình tiên tiến trong Trung tâm Y tế.

Thực hiện các chế độ phụ cấp đãi ngộ thích hợp đối với cán bộ, chế độ bảo hiểm đối với những trường hợp bị rủi ro xảy ra do tai nạn nghề nghiệp đối với cán bộ y tế khi đang làm nhiệm vụ. Hợp đồng với những cán bộ nghỉ hưu nhưng có tay nghề, kinh nghiệm và đủ sức khỏe làm việc về làm việc cho Trung tâm Y tế.

Đẩy mạnh việc đưa cán bộ y tế đi đào tạo nâng cao sau đại học, đặc biệt là các chuyên khoa mũi nhọn để tạo thương hiệu cho Trung tâm Y tế. Ký thỏa thuận hợp tác với các Trường y dược đào tạo cao đẳng điều dưỡng hệ chính quy (3 năm)

2. Về cơ sở hạ tầng

Tiếp tục huy động nhiều nguồn tài chính từ quan hệ hợp tác xã hội hóa. Khai thác tối đa hiệu quả cơ sở hạ tầng hiện có.

Nâng cấp, sửa chữa những cơ sở hạ tầng sẵn có đã xuống cấp để đáp ứng các tiêu chuẩn của bệnh viện hạng II

3. Về tài chính

- **Về tài chính:** Theo nguồn kinh phí của thị xã; Theo nguồn kinh phí tự chủ tài chính của Trung tâm Y tế thị xã, lộ trình thực hiện: năm 2024: tự chủ 60%, năm 2025: tự chủ 70%.

- **Kinh phí thực hiện đề án:** Được bố trí từ nguồn ngân sách Nhà nước theo

phân cấp quản lý; lồng ghép các chương trình, đề án, kế hoạch có liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; nguồn kinh phí tự chủ tài chính của Trung tâm Y tế thị xã; nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

4. Về xã hội hoá lĩnh vực Y tế

Đẩy mạnh xã hội hoá đầu tư khu khám và điều trị theo yêu cầu tại khu đất công dành cho “Y tế” (Trường THCS An Lộc) để nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho nhân dân

Kết nối, phối hợp với các phòng khám tư nhân trên địa bàn và các bệnh viện tuyến trên về nhân lực và trang thiết bị y tế để nâng cao năng lực khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân

PHẦN THỨ NĂM KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

I. THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN

1. Thuận lợi

Trong thời gian vừa qua, Trung tâm Y tế thị xã đã nhận được sự quan tâm của các cấp, ngành về việc bổ sung kinh phí đào tạo nhân lực, nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị y tế để phát triển Trung tâm Y tế với tổng kinh phí đã nhận trong giai đoạn vừa qua: **187.834.367.000** đồng cụ thể như sau:

- Kinh phí đầu tư sửa chữa, nâng cấp cơ sở hạ tầng với số tiền 174.000.000.000 đồng (Nghị Quyết số 18/NQ-HĐND ngày 09/11/2022 của HĐND tỉnh). *(Có danh mục Trang thiết bị Y tế đi kèm Phụ lục 6).*

- Kinh phí đào tạo nhân lực giai đoạn 2021 – 2023 với số tiền 1.003.682.000 đồng. *(Theo nguồn kinh phí của Trung tâm Y tế và Ngân sách thị xã) (Phụ lục 7).*

- Trang thiết bị y tế được nhận, tài trợ từ bệnh viện đã chiến về cho Trung tâm Y tế quản lý, sử dụng với số tiền 12.830.695.000 đồng *(Nhận được từ bệnh viện đã chiến).* *(Phụ lục 5).*

2. Khó Khăn

Việc tuyển dụng điều dưỡng trong những năm qua gặp nhiều khó khăn (từ năm 2021 đến nay Trung tâm Y tế thị xã đã ban hành các thông báo tuyển dụng, tuy nhiên qua các lần tuyển dụng chỉ tuyển dụng được 20 bác sỹ, 01 điều dưỡng), do đó khó đảm bảo điều kiện phát triển Trung tâm Y tế thị xã Bình Long lên bệnh viện hạng 2 theo lộ trình đề án đã được phê duyệt.

Thiếu biên chế cho các bác sỹ đang công tác tại đơn vị.

II. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

Kinh phí đã và đang thực hiện trong giai đoạn vừa qua: **187.834.367.000** đồng

Kinh phí thực hiện cho giai đoạn 2024 - 2030: **62.165.633.000** đồng

1. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN GIAI ĐOẠN 2024 – 2025

| Stt | Danh mục dự trù kinh phí | Số tiền | Nguồn kinh phí |
|------------------|---|---------------------------|--|
| 01 | Kinh phí đào tạo nhân lực giai đoạn 2024 - 2025 (<i>Phụ lục 02</i>) | 4.910.000.000 đồng | Nguồn chi thường xuyên từ NSNN Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực Y tế giai đoạn 2023 - 2025 kèm theo tờ trình số 11/TTr-UBND ngày 01/02/2023 của UBND thị xã Bình Long; Kế hoạch số 110-KH/TU ngày 13/02/2023 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2023; Kế hoạch số 71/KH-UBND 25/3/2024 về đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực Y tế năm 2024. |
| 02 | Kinh phí chuyển đổi số phát triển CNTT hướng tới bệnh viện thông minh năm 2024 (<i>Phụ Lục 04</i>) | 3.500.000.000 đồng | Kế hoạch số 133/KH-UBND ngày 16/5/2024 Kế hoạch triển khai Công tác chuyển đổi số và thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia năm 2024 |
| 03 | Kinh phí chuyển đổi số phát triển CNTT tới bệnh viện thông minh năm 2025 (<i>Phụ Lục 04.1</i>) | 1.200.000.000 đồng | Nguồn vốn đầu tư công |
| Tổng cộng | | 9.610.000.000 đồng | |

Số tiền ghi bằng chữ: (Chín tỷ, sáu trăm mười triệu đồng)

2. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

| Stt | Danh mục dự trù kinh phí | Số tiền | Nguồn kinh phí |
|-----|---|---------------------|-----------------------|
| 01 | Kinh phí đầu tư trang thiết bị y tế (<i>Phụ Lục 03</i>) | 42.500.000.000 đồng | Nguồn vốn đầu tư công |

| | | | |
|------------------|---|----------------------------|--------------------------------|
| 01 | Kinh phí đào tạo nhân lực giai đoạn 2026 - 2030 (<i>Phụ Lục 03</i>) | 8.000.000.000 đồng | Nguồn chi thường xuyên từ NSNN |
| 02 | Kinh phí chuyển đổi số phát triển CNTT tới bệnh viện thông minh (<i>Phụ Lục 04.2</i>) | 2.055.633.000 đồng | Nguồn vốn đầu tư công |
| Tổng cộng | | 52.555.633.000 đồng | |

Số tiền ghi bằng chữ: (Năm mươi hai tỷ, năm trăm, năm mươi lăm triệu, sáu trăm ba mươi ba ngàn đồng).

PHẦN THỨ SÁU LỘ TRÌNH THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

I. THÀNH LẬP CÁC KHOA/PHÒNG

Năm 2024: Thành lập Phòng hành chính quản trị, Khoa phẫu thuật gây mê hồi sức, Khoa chấn thương chỉnh hình; liên chuyên khoa (Mắt, Răng – Hàm – Mặt, Tai – Mũi – Họng, da liễu..), khoa Truyền nhiễm, khoa Chống nhiễm khuẩn, khoa Chẩn đoán hình ảnh.

Năm 2025: Thành lập khoa Nội tim mạch – Lão Khoa, Khoa ICU, Phòng Vật tư thiết bị y tế, Khoa Dinh dưỡng, Khoa Thân Nhân Tạo.

Năm 2026 – 2030: thành lập thêm 06 khoa phòng: Vi sinh, ngoại thần kinh, ngoại thận – tiết niệu, Nội tiết, tâm thần.

II. ĐÀO TẠO

Năm 2024: đảm bảo >90% nguồn nhân lực Y tế được cử đi đào tạo hoàn thành chương trình đào tạo theo Kế hoạch số 71/KH-UBND ngày 25/03/2024 của UBND thị xã Bình Long về kế hoạch, đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực Y tế năm 2024; Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực Y tế giai đoạn 2023-2025 của UBND thị xã Bình Long

Năm 2025: Có trên 80% Bác sỹ được đào tạo sau đại học, 100% là đại học, cao đẳng (Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật viên).

Giai đoạn 2026 - 2030: Chủ trì, phối hợp với Phòng Nội vụ thị xã tham mưu UBND thị xã về kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực Y tế giai đoạn 2026 - 2030 đảm bảo nguồn nhân lực Y tế đủ năng lực tiếp nhận chuyển giao kỹ thuật của tuyến trên, đồng thời hỗ trợ chuyển giao kỹ thuật cho tuyến dưới.

III. ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG

Năm 2024: Xây mới toà nhà 06 tầng, với dáng hình chữ U, kết nối với khối hiện hữu, qua các hành lang cầu nối. Sửa chữa nâng cấp cơ sở hạ tầng hiện

tại, đáp ứng tiêu chuẩn điều trị và khám bệnh của bệnh viện hạng II.

Đầu tư cơ sở hạ tầng, phần mềm quản lý lưu trữ truyền tải hình ảnh (PACS).

Năm 2025: Hoàn thiện 100% các hạng mục còn lại của dự án nâng cấp, mở rộng Trung tâm Y tế thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước, đảm bảo 100% các trang thiết bị Y tế trong dự án được mua sắm về cho đơn vị.

Giai đoạn 2026 - 2030: Đầu tư triển khai hệ thống Bệnh án điện tử hướng tới bệnh viện thông minh vào năm 2030. Đẩy mạnh xã hội hoá đầu tư khu khám và điều trị theo yêu cầu tại khu đất công dành cho “Y tế” (Trường THCS An Lộc) để nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho nhân dân.

IV. ĐẦU TƯ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ

1. Đầu tư trang thiết bị năm dự kiến năm 2024 -2025 (Theo phụ lục 06)

2. Đầu tư trang thiết bị dự kiến năm 2026-2030 (Theo phụ lục 03)

V. ĐẦU TƯ HẠ TẦNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Năm 2024 nâng cấp, bổ sung trang thiết bị công nghệ thông tin của bệnh viện gồm: cải tạo hệ thống phòng máy chủ, mạng nội bộ; bổ sung máy chủ, hệ thống lưu trữ, cân bằng tải, thiết bị bảo mật, thiết bị mạng, máy trạm, thiết bị ngoại vi.

Hoàn thiện hạ tầng phòng máy chủ của Bệnh viện;

Triển khai hệ thống mạng không dây và quản lý tập trung tại Bệnh viện;

Đào tạo chuyên gia công nghệ cho cán bộ công nghệ thông tin;

Mua sắm phần mềm Quản lý lưu trữ và truyền tải hình ảnh (PACS);

Năm 2025 - 2030 triển khai bệnh án điện tử hướng tới bệnh viện thông minh.

PHẦN THỨ BẢY

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trung tâm Y tế thị xã

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị quan liên quan tham mưu cho UBND thị xã xây dựng kế hoạch, giải pháp cụ thể để tổ chức thực hiện Đề án. Chủ trì, phối hợp với Văn phòng HĐND & UBND thị xã tổ chức sơ kết, đánh giá tình hình thực hiện Đề án để có kế hoạch điều chỉnh, bổ sung kế hoạch, giải pháp thực hiện; định kỳ, tổng hợp kết quả thực hiện báo cáo Thị ủy, HĐND, UBND thị xã và cấp có thẩm quyền.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch thị xã

Hàng năm, căn cứ tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách địa phương tham mưu UBND thị xã bố trí kinh phí đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị để thực hiện Đề án

3. Phòng Nội vụ thị xã

Thẩm định kế hoạch đào tạo nhân lực y tế của Trung tâm Y tế thị xã trình UBND

thị xã phê duyệt; thẩm định danh sách viên chức y tế cử đi học theo đề xuất của Trung tâm Y tế, tham mưu trình UBND thị xã quyết định cử viên chức đi học theo quy định.

4. Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã

Chủ trì, phối hợp các phòng liên quan, UBND các xã, phường quy hoạch, quản lý quỹ đất dành cho y tế.

5. Phòng Quản lý Đô thị thị xã

Chủ trì, phối hợp Trung tâm Y tế trong công tác quản lý xây dựng các công trình Y tế, nhằm không ngừng nâng cao chất lượng xây dựng các công trình theo tiêu chuẩn quy định.

6. Văn phòng HĐND & UBND thị xã

Phối hợp với Trung tâm Y tế thị xã tổ chức sơ kết, tổng kết Đề án, định kỳ tổng hợp kết quả thực hiện báo cáo Thị ủy, HĐND, UBND thị xã và cấp có thẩm quyền.

7. Các cơ quan, ban ngành, Đoàn thể thị xã

Phối hợp với Trung tâm Y tế thị xã trong việc thực hiện các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực Y tế.

8. UBND các xã, phường

Phối hợp với Trung tâm Y tế thị xã cùng với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Đề án đảm bảo phù hợp với thực tiễn địa phương.

II. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ ĐỀ ÁN

1. Hiệu quả khi triển khai chuyển đổi số phát triển công nghệ thông tin hướng tới bệnh viện thông minh

- Đối với Trung Tâm Y tế

+ Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, quy trình vận hành được chuyên nghiệp, hiệu quả nhất.

+ Tiết kiệm chi phí in phim, chi phí nhân sự, hướng đến bệnh viện không giấy tờ.

+ Hình ảnh được lưu trữ mãi mãi trên phần mềm và hệ thống lưu trữ, giúp truy xuất thông tin nhanh chóng.

+ Khai thác được chất lượng của các máy chụp hiện đại mới được trang bị.

+ Gửi hình ảnh để hội chẩn từ xa, bệnh nhân không phải chuyển viện.

+ Các thông tin, hình ảnh được bảo mật thông tin một cách hiệu quả, hạn chế tràn lan thông tin.

- Đối với xã hội

+ Ứng dụng công nghệ cao đem lại sự hài lòng cho bệnh nhân. Giảm tải bệnh viện cho tuyến trung ương.

+ Giảm thiểu việc in phim giúp bảo vệ môi trường do phim và mực in thải ra.

Việc triển khai hệ thống lưu trữ và truyền tải hình ảnh PACS cùng với triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử, bệnh án điện tử giúp cho ngành có được dữ liệu về sức khỏe của người dân đầy đủ, chính xác và kịp thời. Đây là cơ sở dữ liệu về sức khỏe rất lớn (big data) của ngành mà việc tổng hợp, phân tích dữ liệu thông tin sẽ giúp ngành y tế có các chỉ đạo rất kịp thời về phòng chống dịch bệnh nói riêng và có được các dự báo, hoạch định chính sách về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe người dân tốt hơn vì có những bằng chứng thực tiễn, có cơ sở khoa học hơn. Mặt khác, big data là nền tảng để phát triển các ứng dụng thông minh phục vụ chăm sóc sức khỏe người dân tốt hơn. Trong thời đại ngày nay, việc quản lý thông tin có nghĩa rất lớn đối với công tác quản lý xã hội, có nhiều người còn khẳng định “thông tin quý hơn dầu mỏ!”.

- Bảo mật thông tin người bệnh

Bảo mật thông tin cá nhân của người bệnh rất quan trọng nhằm đáp ứng mối quan tâm về tính riêng tư của người bệnh. Thông tư số 54/2017/TT-BYT và Thông tư 46/2018/TT-BYT của Bộ Y tế đã đưa ra được các quy định cơ bản để bảo vệ tính riêng tư thông tin trong hồ sơ bệnh án điện tử. Việc sử dụng và khai thác hồ sơ bệnh án điện tử được thực hiện theo quy định của Luật Khám bệnh, chữa bệnh. Người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh quyết định việc cho phép khai thác hồ sơ bệnh án điện tử theo quy định của pháp luật.

2. Hiệu quả đối với chất lượng chăm sóc sức khỏe Nhân dân

Giúp người dân có thêm cơ sở khám chữa bệnh, tiếp cận với y tế hiện đại. Chất lượng dịch vụ chẩn đoán và điều trị được nâng cao sẽ làm giảm thời gian nằm viện của bệnh nhân, vừa có thể góp phần làm giảm quá tải bệnh viện, vừa giảm các chi phí cho bệnh nhân (chi phí giường bệnh, sử dụng thuốc...).

Góp phần giảm gánh nặng kinh tế, phiền hà cho người bệnh và người nhà người bệnh phải đến các cơ sở ngoại tỉnh xa xôi để điều trị. Người nghèo ở địa phương có điều kiện tốt hơn trong việc tiếp cận các dịch vụ y tế, nhất là dịch vụ kỹ thuật cao, chuyên sâu, góp phần tạo ra sự công bằng, hiệu quả trong khám chữa bệnh.

Chữa trị được cho các bệnh nặng, bệnh hiểm nghèo trong khu vực và những vùng lân cận, thu hút người bệnh điều trị tại bệnh viện, làm giảm quá tải cho các Bệnh viện chuyên sâu tuyến trên. Tạo môi trường thuận lợi cho công tác đào tạo, chỉ đạo tuyến đối với cán bộ y tế và là cơ sở thực hành lâm sàng cho sinh viên các Trường Đại học, Cao đẳng y dược trong khu vực.

Thực hiện đề án sẽ nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ y tế cơ sở. Các kỹ thuật cao được chuyển giao cho các bác sĩ tại Trung tâm Y tế thực hiện ngay tại cơ sở, giúp cho người bệnh, nhất là người bệnh nghèo được sử dụng các dịch vụ kỹ thuật cao; tránh được các trường hợp bệnh vượt tuyến không cần thiết, gây quá tải bệnh viện tuyến trên.

Triển khai thực hiện đề án góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và sự hài lòng của Nhân dân; từng bước xây dựng, củng cố lòng tin của Nhân dân và người bệnh vào hệ thống khám, chữa bệnh tại cơ sở và cả hệ

thống y tế, giúp ngành y tế thực hiện thắng lợi công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khoẻ Nhân dân tại cộng đồng. Bên cạnh đó, việc thực hiện đề án sẽ góp phần làm giảm những hậu quả của quá tải bệnh viện, giảm tai biến điều trị, rút ngắn được thời gian, chi phí khám, chữa bệnh, mang lại hiệu quả kinh tế cho người bệnh, gia đình và xã hội trong địa bàn thị xã và những khu vực lân cận; tăng sự hợp tác phối hợp điều trị giữa người bệnh và nhân viên y tế, giảm đi những vấn đề bức xúc của xã hội, những mặt trái của xã hội trong môi trường bệnh viện.

Tạo môi trường tốt để đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, đào tạo liên tục, chỉ đạo tuyển đối với cán bộ viên chức bệnh viện. Nâng cao năng lực quản lý điều hành đối với cán bộ quản lý Bệnh viện.

Xây dựng được một bệnh viện đa khoa hạng II hoàn chỉnh và thân thiện ở khu vực. Tạo môi trường thuận lợi cho cán bộ viên chức bệnh viện ngày càng tiếp cận với các kỹ thuật y học chuyên sâu, mang tính chuyên nghiệp, nâng cao tay nghề, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân.

PHỤ LỤC 01
NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC

*(Ban hành kèm theo Đề án được phê duyệt tại Nghị Quyết số /NQ-HĐND
ngày / /2024 của HĐND thị xã Bình Long)*

| Phân loại cán bộ - công chức | Tổng số nhân lực sau khi sáp nhập | TTYT BÌNH LONG | | | | | TTYT HÓN QUẢN | | | | | Định mức Bệnh viện hạng II | Cần bổ sung |
|---------------------------------------|--|--|--------------------|--------------|-------------|-------------------------|--|--------------------|--------------|-------------|-------------------------|--|-------------------|
| | | Tổng số nhân lực hệ điều trị hiện có TTYT Bình Long | Biên chế (1) | Hợp đồng (2) | | HĐ 111/NĐ- CP (3) | Tổng số nhân lực hệ điều trị hiện có TTYT Hón Quản | Biên chế (1) | Hợp đồng (2) | | HĐ 111/NĐ- CP (3) | | |
| | | | | Trong BC | Ngoài BC | | | | Trong BC | Ngoài BC | | | |
| 1. Bác sĩ | 88 | 62 | 52 | 5 | 5 | 0 | 26 | 26 | 0 | 0 | 0 | 100 | 12 |
| - BS Chuyên khoa II | 3 | 2 | 2 | | | | 1 | 1 | | | | 5 | 2 |
| - BS Chuyên khoa I | 19 | 10 | 9 | 1 | | | 9 | 9 | | | | 24 | 5 |
| - Bác sĩ Y khoa | 66 | 50 | 41 | 4 | 5 | | 16 | 16 | | | | 71 | 5 |
| 2. Y sĩ | 13 | 5 | 3 | | 2 | | 8 | 8 | | | | 0 | 0 |
| 3. Dược sĩ | 28 | 21 | 19 | 0 | 2 | 0 | 7 | 7 | 0 | 0 | 0 | 28 | 0 |
| - DS Chuyên khoa I | 1 | 1 | 1 | | | | 0 | | | | | 1 | 0 |
| - Dược sĩ Đại học | 23 | 16 | 14 | | 2 | | 7 | 7 | | | | 23 | 0 |

| | | | | | | | | | | | | | |
|--------------------------------|-----------|-----------|-----------|----------|----------|----------|-----------|-----------|----------|----------|----------|------------|-----------|
| - Dược Cao đẳng | 4 | 4 | 4 | | | | 0 | | | | | 4 | 0 |
| 4. Dược sĩ Trung học | 1 | 0 | | | | | 1 | 1 | | | | 0 | 0 |
| 5. Điều dưỡng | 53 | 42 | 34 | 0 | 8 | 0 | 11 | 11 | 0 | 0 | 0 | 137 | 84 |
| - Tiến sỹ / Thạc sỹ ĐD | 1 | 1 | 1 | | | | 0 | | | | | 8 | 7 |
| - Cử nhân điều dưỡng | 41 | 31 | 28 | | 3 | | 10 | 10 | | | | 116 | 75 |
| - Cao đẳng điều dưỡng | 11 | 10 | 5 | | 5 | | 1 | 1 | | | | 13 | 2 |
| 6. Điều dưỡng Trung học | 30 | 27 | 22 | | 5 | | 3 | 3 | | | | 0 | 0 |
| 7. Tổng số Hộ sinh | 18 | 15 | 15 | 0 | 0 | 0 | 3 | 3 | 0 | 0 | 0 | 30 | 12 |
| - Thạc sỹ/CKI Hộ sinh | 0 | 0 | 0 | | | | 0 | | | | | 5 | 5 |
| - Cử nhân hộ sinh | 7 | 4 | 4 | | | | 3 | 3 | | | | 14 | 7 |
| - Hộ sinh cao đẳng | 11 | 11 | 11 | | | | 0 | | | | | 11 | 0 |

| | | | | | | | | | | | | | |
|-----------------------------|------------|------------|------------|----------|-----------|-----------|-----------|-----------|----------|----------|----------|------------|------------|
| 8. Hộ sinh trung học | 12 | 9 | 9 | | | | 3 | 3 | | | | 0 | 0 |
| 9. Kỹ thuật viên Y | 15 | 11 | 9 | 0 | 2 | 0 | 4 | 4 | 0 | 0 | 0 | 15 | 0 |
| - CKI Chức năng | 1 | 1 | 1 | | | | 0 | | | | | 1 | 0 |
| - Thạc sĩ khoa học y sinh | 1 | 1 | 1 | | | | 0 | | | | | 1 | 0 |
| - KTV Đại học | 3 | 3 | 2 | | 1 | | 0 | | | | | 3 | 0 |
| - KTV Cao đẳng | 10 | 6 | 5 | | 1 | | 4 | 4 | | | | 10 | 0 |
| 10. KTV Trung học | 1 | | | | | | 1 | 1 | | | | | |
| 11. Hộ lý | 4 | 2 | | | | 2 | 2 | | | | 2 | 0 | 0 |
| 12. Cán bộ khác | 43 | 33 | 16 | 0 | 4 | 13 | 10 | 4 | 0 | 3 | 3 | 43 | 0 |
| - Thạc sĩ | 2 | 1 | 1 | | | | 1 | 1 | | | | 2 | 0 |
| - Đại học | 22 | 16 | 14 | | 2 | | 6 | 3 | | 3 | | 22 | 0 |
| - Cao đẳng | 4 | 4 | 1 | | 2 | 1 | 0 | | | | | 4 | 0 |
| - Trung học | 2 | 2 | | | | 2 | 0 | | | | | 2 | 0 |
| - Khác | 13 | 10 | | | | 10 | 3 | | | | 3 | 13 | 0 |
| TỔNG CỘNG | 306 | 227 | 179 | 5 | 28 | 15 | 79 | 71 | 0 | 3 | 5 | 353 | 108 |

PHỤ LỤC 02
BẢNG TÓM TẮT NHU CẦU ĐÀO TẠO
(Ban hành kèm theo Đề án được phê duyệt tại Nghị Quyết số /NQ-HĐND
ngày / /2024 của HĐND thị xã Bình Long)

| TT | Chỉ tiêu | Nhân lực hiện tại (Người) | Kế hoạch đào tạo 2024 – 2025 (Người) | Kinh phí đào tạo 2024-2025 (tỷ đồng) | Kế hoạch đào tạo 2026 – 2030 (Người) | Kinh phí đào tạo năm 2026 (tỷ đồng) | Kinh phí đào tạo năm 2027 (tỷ đồng) | Kinh phí đào tạo năm 2028 (tỷ đồng) | Kinh phí đào tạo năm 2029 (tỷ đồng) | Kinh phí đào tạo năm 2030 (tỷ đồng) |
|----|--|------------------------------|--|--|--|---|---|---|---|---|
| 01 | Bác sỹ CKI, CKII | 10 | 24 | 3,12 | | | | | | |
| 02 | Bác sĩ | 54 | 0 | | | | | | | |
| 03 | Y sỹ YHCT (đào tạo lên Cử nhân phục hồi chức năng) | 01 | 01 | 0,08 | | | | | | |
| 04 | Y sỹ (đào tạo lên Cử nhân y tế công cộng) | 02 | 02 | 0,16 | | | | | | |
| 05 | Thạc sỹ điều dưỡng | 01 | 05 | 0,5 | | | | | | |
| 06 | Điều dưỡng (đại học và cao đẳng) | 40 | | | 100 | 2 | 1,5 | 1,5 | 1,5 | 1,5 |
| 07 | Hộ sinh sau đại học | 0 | 01 | 0,13 | | | | | | |
| 08 | Hộ sinh đại học, cao đẳng | 18 | 06 | 0,48 | | | | | | |
| 09 | Dược sỹ đại học | 17 | 01 | 0,08 | | | | | | |
| 10 | Thạc sỹ gây mê hồi sức | 0 | 01 | 0,1 | | | | | | |

| | | | | | | | | | | |
|------------------|------------------------|----|----|-------------|--|----------|------------|------------|------------|------------|
| 11 | CKI Xét nghiệm | 0 | 02 | 0,26 | | | | | | |
| 12 | Kỹ thuật viên cao đẳng | 5 | 0 | | | | | | | |
| 13 | Khác | 34 | 0 | | | | | | | |
| Tổng cộng | | | | 4,91 | | 2 | 1,5 | 1,5 | 1,5 | 1,5 |

(Số tiền ghi bằng chữ: Mười hai tỷ, chín trăm mười triệu đồng)

PHỤ LỤC 03
DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ Y TẾ ĐỀ NGHỊ BỔ SUNG
(Ban hành kèm theo Đề án được phê duyệt tại Nghị Quyết số /NQ-HĐND
ngày / /2024 của HĐND thị xã Bình Long)

| Stt | Tên thiết bị | Năm 2026 | | Năm 2027 | | Năm 2028 | | Năm 2029 | | Năm 2030 | |
|-----|--|----------|----------------------|----------|----------------------|----------|----------------------|----------|----------------------|----------|----------------------|
| | | Số lượng | Thành tiền (tỷ đồng) | Số lượng | Thành tiền (tỷ đồng) | Số lượng | Thành tiền (tỷ đồng) | Số lượng | Thành tiền (tỷ đồng) | Số lượng | Thành tiền (tỷ đồng) |
| 1 | Máy sóng ngắn | 1 | 0,45 | | | 1 | 0,45 | | | | |
| 2 | Máy siêu âm trị liệu | 1 | 0,5 | | | 1 | 0,5 | | | | |
| 3 | Máy Điện Xung Trị Liệu | 2 | 0,3 | | | | | | | | |
| 4 | Máy Điều Trị Từ Trường | 1 | 0,31 | | | 1 | 0,31 | | | | |
| 5 | Máy xoa bóp toàn thân | 2 | 0,2 | | | 1 | 0,1 | | | | |
| 6 | Máy Nén Áp Trị Liệu Suy Giãn Tĩnh Mạch Toàn Thân | 1 | 0,04 | | | 1 | 0,04 | | | | |
| 7 | Máy rửa màng lọc thận | 1 | 0,5 | | | 1 | 0,5 | | | | |
| 8 | Máy chạy thận nhân tạo | 2 | 1 | 2 | 1 | 2 | 1 | 2 | 1 | 2 | 1 |
| 9 | Máy sắc thuốc đóng gói tự động | 1 | 1,5 | 1 | 1,5 | | | | | | |
| 10 | Máy điện tim | 2 | 0,12 | 2 | 0,12 | 2 | 0,12 | 2 | 0,12 | 2 | 0,12 |
| 11 | Máy giặt công nghiệp 60kg | 1 | 1,1 | | | | | 1 | 1,1 | | |

| | | | | | | | | | | | |
|------------------|--|---|-------------|---|-------------|---|-------------|---|-------------|---|-------------|
| 12 | Máy sinh hiển vi khám mắt | 1 | 0,6 | 1 | 0,6 | | | | | | |
| 13 | Hệ thống phẫu thuật nội soi khớp | | | 1 | 3 | | | | | | |
| 14 | Tủ An toàn sinh học cấp 2 | | | 1 | 0,5 | | | | | | |
| 15 | Máy sinh hóa tự động | | | 1 | 2 | 1 | 2 | | | | |
| 16 | Máy xét nghiệm miễn dịch tự động | | | | | 1 | 3 | | | | |
| 17 | Lồng ấp trẻ sơ sinh | | | | | 1 | 0,3 | 1 | 0,3 | | |
| 18 | Tủ lạnh trữ máu | | | | | 1 | 0,6 | 1 | 0,6 | | |
| 19 | Máy đo điện não | | | | | | | 1 | 2 | | |
| 20 | Máy chụp X-Quang C-Arm | | | | | | | 1 | 1,5 | | |
| 21 | Máy thở chức năng cao | | | | | | | 1 | 1,5 | 1 | 1,5 |
| 22 | Máy huyết học tự động | 1 | 2 | | | | | | | 1 | 2 |
| 23 | Máy đo điện cơ | | | | | | | | | 1 | 1 |
| 24 | Hệ thống nước RO (Công suất cho 40 máy chạy thận nhân tạo) | | | | | | | | | 1 | 2,5 |
| Tổng cộng | | | 8,62 | | 8,72 | | 8,92 | | 8,12 | | 8,12 |

(Số tiền ghi bằng chữ: Bốn mươi hai tỷ, năm trăm triệu đồng)

PHỤ LỤC 04
KINH PHÍ CHUYỂN ĐỔI SỐ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
HƯỚNG TỚI BỆNH VIỆN THÔNG MINH
(Ban hành kèm theo Đề án được phê duyệt tại Nghị Quyết số /NQ-HĐND
ngày / /2024 của HĐND thị xã Bình Long)

KINH PHÍ THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN NĂM 2024

| TT | Hạng mục | ĐVT | Thành tiền sau VAT (đồng) |
|------------------|---|---------|---------------------------|
| I | CHI PHÍ PHẦN MỀM RIS-PACS | | 2.300.000.000 |
| 1 | Chi phí mua đứt phần mềm PACS (License) | License | 2.300.000.000 |
| II | CHI PHÍ THIẾT BỊ | | 1.123.512.115 |
| 1 | Phòng máy chủ đạt chuẩn TT 54 | Hệ | 649.464.200 |
| 2 | Bổ sung thiết bị mạng, camera nội bộ | Hệ | |
| 3 | Thiết bị cho hệ thống PACS | Hệ | 320.047.915 |
| 4 | Kiosk sinh trắc học tự phục vụ | Hệ | 154.000.000 |
| III | ĐÀO TẠO CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ | | 76.487.885 |
| 1 | Tài liệu đào tạo + Lớp tập huấn, hướng dẫn chuyển giao công nghệ vận hành, sử dụng hệ thống | Gói | 76.487.885 |
| TỔNG CỘNG | | | 3.500.000.000 |

(Số tiền ghi bằng chữ: Ba tỷ, năm trăm triệu đồng)

PHỤ LỤC 04.01
KINH PHÍ CHUYỂN ĐỔI SỐ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
HƯỚNG TỚI BỆNH VIỆN THÔNG MINH
(Ban hành kèm theo Đề án được phê duyệt tại Nghị Quyết số /NQ-HĐND
ngày / /2024 của HĐND thị xã Bình Long)

KINH PHÍ THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN NĂM 2025

| TT | Hạng mục | ĐVT | Thành tiền sau VAT (đồng) |
|------------------|---|---------|---------------------------|
| I | CHI PHÍ PHẦN MỀM RIS-PACS | | |
| 1 | Chi phí mua đứt phần mềm PACS (License) | License | |
| II | CHI PHÍ THIẾT BỊ | | 1.127.535.915 |
| 1 | Phòng máy chủ đạt chuẩn TT 54 | Hệ | 608.300.000 |
| 2 | Bổ sung thiết bị mạng, camera nội bộ | Hệ | 267.938.000 |
| 3 | Thiết bị cho hệ thống PACS | Hệ | 97.297.915 |
| 4 | Kiosk sinh trắc học tự phục vụ | Hệ | 154.000.000 |
| III | ĐÀO TẠO CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ | | 72.464.085 |
| 1 | Tài liệu đào tạo + Lớp tập huấn, hướng dẫn chuyển giao công nghệ vận hành, sử dụng hệ thống | Gói | 72.464.085 |
| TỔNG CỘNG | | | 1.200.000.000 |

(Số tiền ghi bằng chữ: Một tỷ, hai trăm triệu đồng)

PHỤ LỤC 04.2
KINH PHÍ CHUYỂN ĐỔI SỐ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
HƯỚNG TỚI BỆNH VIỆN THÔNG MINH
(Ban hành kèm theo Đề án được phê duyệt tại Nghị Quyết số /NQ-HĐND
ngày / /2024 của HĐND thị xã Bình Long)

KINH PHÍ THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

| TT | Hạng mục | ĐVT | Thành tiền sau VAT (đồng) |
|------------------|--|---------|---------------------------|
| I | CHI PHÍ PHẦN MỀM RIS-PACS | | |
| 1 | Chi phí mua đứt phần mềm PACS (License) | License | |
| II | CHI PHÍ THIẾT BỊ | | 2.014.211.925 |
| 1 | Phòng máy chủ đạt chuẩn TT 54 | Hệ | 2.014.211.925 |
| 2 | Bổ sung thiết bị mạng, camera nội bộ | Hệ | |
| 3 | Thiết bị cho hệ thống PACS | Hệ | |
| 4 | Kiosk sinh trắc học tự phục vụ | Hệ | |
| III | ĐÀO TẠO CHUYÊN GIA CÔNG NGHỆ | | 41.421.075 |
| 1 | Tài liệu đào tạo + Lớp tập huấn, hướng dẫn chuyên gia công nghệ vận hành, sử dụng hệ thống | Gói | 41.421.075 |
| TỔNG CỘNG | | | 2.055.633.000 |

(Số tiền ghi bằng chữ: Hai tỷ, không trăm năm mươi năm triệu, sáu trăm ba mươi ba ngàn đồng)

PHỤ LỤC 05
DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ Y TẾ ĐƯỢC NHẬN, TÀI TRỢ TỪ BỆNH VIỆN DÃ CHIẾN VÊ CHO TRUNG TÂM Y TẾ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG
(Ban hành kèm theo Đề án được phê duyệt tại Nghị Quyết số /NQ-HĐND ngày / /2024 của HĐND thị xã Bình Long)

| TT | Tên tài sản | Nguồn gốc tài sản (Được tài trợ) | Thời điểm đưa tài sản vào sử dụng | Số lượng | Nguyên giá (triệu đồng) | Thành tiền (triệu đồng) |
|----|----------------------------------|---|-----------------------------------|----------|----------------------------|----------------------------|
| 1 | Máy truyền dịch tự động | CÔNG TY TNHH KOASTAL ECO INDUSTRIES | 11/2021 | 10 | 30 | 300 |
| 2 | Máy hút dịch Liên tục áp lực | CTY CP TVTK ĐTXD HỢP PHÁT | 11/2021 | 1 | 19 | 19 |
| 3 | Máy đo điện tim 06 cần | CTY TNHH Tư vấn xây dựng Huế An | 11/2021 | 2 | 57,75 | 115,5 |
| 4 | Đèn đặt nội khí quản có camera | CTY TNHH DỆT NHUỘM ALL SEVEN | 11/2021 | 1 | 99 | 99 |
| 5 | Máy hút dịch liên tục áp lực | CÔNG TY TNHH CHÍNH XÁC JING CHENG | 11/2021 | 1 | 18,9 | 18,9 |
| 6 | Giường bệnh nhân | CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – XÂY DỰNG – THƯƠNG MẠI VÀ NÔNG NGHIỆP HẢI VƯƠNG | 11/2021 | 10 | 10,8 | 108 |
| | | | | 40 | 6,8 | 272 |
| 7 | Máy phân tích đông máu tự động | CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – XÂY DỰNG – THƯƠNG MẠI VÀ NÔNG NGHIỆP HẢI VƯƠNG | 11/2021 | 1 | 380 | 380 |
| 8 | Bơm tiêm điện | CTY TNHH NGŨ KIM YOUDE VN | 11/2021 | 4 | 31 | 124 |
| | | CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM | 11/2021 | 20 | 30 | 600 |
| 9 | Đèn đặt nội khí quản có camera | CTY TNHH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÙNG VƯƠNG | 11/2021 | 1 | 99 | 99 |
| 10 | Máy hút dịch liên tục áp lực | CTY TNHH DN99 VIỆT NAM | 11/2021 | 2 | 19 | 38 |
| 11 | Máy thận nhân tạo | Công ty TNHH MTV Nông Sản Quỳnh Trung | 07/2021 | 1 | 400 | 400 |
| 12 | Máy xét nghiệm huyết học tự động | Vũ Thị Quyên | 08/2021 | 1 | 244 | 244 |

| | | | | | | |
|------------------|---|---|---------|----|---------|-------------------|
| | 28 thông số 5 thành phần | | | | | |
| 13 | Máy thận nhân tạo | Bà Trần Thị Ngọc Cơ | 10/2021 | 1 | 450 | 450 |
| 14 | Máy thở chức năng cao | CTY TNHH DDK INTERNATIONAL VIỆT NAM | 11/2021 | 1 | 640 | 640 |
| 15 | Máy X Quang di động 100MA | CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM | 11/2021 | 03 | 990 | 2970 |
| | Bộ phận số hóa Xquang | | | | | |
| | Máy phim khô y tế | | | | | |
| 16 | Máy siêu âm Doppler màu 3 đầu dò | CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM | 11/2021 | 2 | 950 | 1900 |
| 17 | Bồn oxy hóa lỏng 15m ³ + Dẫn hóa hơi 300m ³ /h + Bộ điều áp | CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – XÂY DỰNG – THƯƠNG MẠI VÀ NÔNG NGHIỆP HẢI VƯƠNG | 11/2021 | 1 | 907,5 | 907,5 |
| | Mạng phân phối khí | | | 1 | 212,795 | 212,795 |
| 18 | Xe cứu thương | TỔNG CÔNG TY IDICO – CTCP | 09/2021 | 1 | 1.180 | 1.180 |
| 19 | Hệ thống xét nghiệm REAL-TIME PCR | CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHƯƠNG TRANG | 10/2021 | 1 | 1.753 | 1.753 |
| Tổng cộng | | | | | | 12.830.695 |

(Số tiền ghi bằng chữ: Mười hai tỷ, tám trăm ba mươi triệu, sáu trăm chín lăm ngàn đồng)

PHỤ LỤC 06
DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ Y TẾ THEO DỰ ÁN “NÂNG CẤP, MỞ RỘNG TRUNG TÂM Y TẾ THỊ XÃ BÌNH LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC VỚI TỔNG MỨC ĐẦU TƯ DỰ ÁN LÀ 174 TỶ ĐỒNG”

(Ban hành kèm theo Đề án được phê duyệt tại Nghị Quyết số /NQ-HĐND ngày / /2024 của HĐND thị xã Bình Long)

| TT | Danh mục thiết bị | ĐVT | Khối lượng | Ghi chú |
|----------|--|-----|------------|---------|
| 1 | Giường bệnh nhân 1 tay quay (ABS) | Cái | 100 | |
| 2 | Giường bệnh nhân 03 tay quay (ABS) | Cái | 20 | |
| 3 | Máy tán sỏi Laser và Bộ dụng cụ nội soi niệu quản tán sỏi ngược dòng và gắn sonde JJ | Cái | 1 | |
| 4 | Máy nội soi dạ dày, tá tràng, đại tràng Olympus | Cái | 1 | |
| 5 | Ghế nha | Cái | 1 | |
| 6 | Bộ khám nội soi Tai-Mũi-Họng(chẩn đoán) | Cái | 1 | |
| 7 | Thiết bị phòng mổ, bao gồm: | | | |
| 7.1 | Bàn mổ chấn thương chỉnh hình | Cái | 1 | |
| 7.2 | Bàn mổ tiết niệu | Cái | 1 | |
| 7.3 | Bàn mổ sản phụ khoa | Cái | 1 | |
| 7.4 | Đèn mổ treo trần có camera | Cái | 1 | |
| 7.5 | Đèn mổ treo trần | Cái | 2 | |
| 7.6 | Hệ thống máy gây mê có huy động phổi, theo dõi khí mê kèm phiếu theo dõi gây mê điện tử và monitor theo dõi độ giãn cơ | HT | 1 | |
| 7.7 | Bộ dụng cụ đại phẫu thuật ngoại tổng quát (gồm 42 món) | Bộ | 1 | |
| 7.8 | Bộ dụng cụ đại phẫu thuật chấn thương chỉnh hình (gồm 67 món) | Bộ | 1 | |
| 7.9 | Bộ dụng cụ đại phẫu thuật sản phụ khoa (gồm 54 món) | Bộ | 1 | |
| 7.10 | Bộ dụng cụ niệu hở (gồm 23 món) | Bộ | 1 | |
| 7.17 | Hệ thống rửa tay khử trùng phòng mổ (bao gồm bồn rửa và hệ thống cấp thoát nước và phụ kèm theo) | HT | 1 | |
| 8 | Hệ thống Monitor theo dõi trung tâm (1 máy lớn và 10 máy con) | HT | 1 | |
| 9 | Máy hấp tiệt trùng nhiệt độ cao 1 cửa trượt điện, tích hợp bộ test tự động, công suất 8STU | Cái | 1 | |
| 10 | Máy rửa khử khuẩn và sấy khô dụng cụ 1 cửa, kèm giá rửa dụng cụ gây mê và 30 giỏ lưới | Cái | 1 | |

| | | | | |
|--|---|--|----------------------------|--|
| | đựng dụng cụ, công suất 15DIN kèm phụ kiện tiêu chuẩn | | | |
| | Tổng cộng: Số tiền dự kiến | | 25.000.000.000 đồng | |

PHỤ LỤC 07
KÍNH PHÍ ĐÀO TẠO NHÂN LỰC GIAI ĐOẠN 2021 - 2023
(Ban hành kèm theo Đề án được phê duyệt tại Nghị Quyết số /NQ-HĐND
ngày / /2024 của HĐND thị xã Bình Long)

| TT | Năm đào tạo | Số tiền | Nguồn kinh phí |
|------------------|--------------------|---------------------------|-----------------------|
| 01 | 2021 | 134.215.500 đồng | Trung tâm Y tế |
| 02 | 2022 | 352.562.500 đồng | Trung tâm Y tế |
| 03 | 2023 | 368.500.000 đồng | Ngân sách thị xã |
| | | 148.404.000 đồng | Trung tâm Y tế |
| Tổng cộng | | 1.003.682.000 đồng | |

(Số tiền ghi bằng chữ: Một tỷ, không trăm lẻ ba triệu, sáu trăm tám mươi hai ngàn đồng)

PHỤ LỤC 08
DỰ TRÙ KINH PHÍ HÀNG NĂM THEO NGUỒN KINH PHÍ CỦA THỊ XÃ
(Ban hành kèm theo Đề án được phê duyệt tại Nghị Quyết số /NQ-HĐND
ngày / /2024 của HĐND thị xã Bình Long)

| Stt | Nội dung | Năm 2024 <i>(Tỷ đồng)</i> | Năm 2025 <i>(Tỷ đồng)</i> | Năm 2026 <i>(Tỷ đồng)</i> | Năm 2027 <i>(Tỷ đồng)</i> | Năm 2028 <i>(Tỷ đồng)</i> | Năm 2029 <i>(Tỷ đồng)</i> | Năm 2030 <i>(Tỷ đồng)</i> | Tổng cộng <i>(Tỷ đồng)</i> |
|------------------|--|-------------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------|
| 1 | Đào tạo nhân lực | 2,91 | 2 | 2 | 1,5 | 1,5 | 1,5 | 1,5 | 12,91 |
| 2 | Chuyển đổi số phát triển CNTT hướng tới bệnh viện thông minh | 3,5 | 1,2 | 0,455633 | 0,4 | 0,4 | 0,4 | 0,4 | 6,755633 |
| 3 | Đầu tư trang thiết bị y tế | | | 8,62 | 8,72 | 8,92 | 8,12 | 8,12 | 42,5 |
| Tổng cộng | | 6,41 | 3,2 | 11,07563 | 10,62 | 10,82 | 10,02 | 10,02 | 62,165633 |

(Số tiền ghi bằng chữ: Sáu mươi hai tỷ, một trăm sáu lăm triệu, sáu trăm ba mươi ba ngàn đồng).